TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ ĐỒN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 43/2020/QĐST–HNGĐ	*Chợ Đồn, ngày 16 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 36/2020/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020, giữa:

* Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H – sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ 12, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

* Bị đơn: Anh Vũ Đình C – sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Phạm Thị H và anh Vũ Đình C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Vũ Đình C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Vũ Đình C có 01 con chung tên là Vũ Trà M, sinh ngày 13/9/2007. Khi ly hôn, chị H và anh C thỏa thuận, thống nhất: Giao con chung cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 75.000^{đ} án phí dân sự sơ thẩm; Anh Vũ Đình C phải chịu 75.000^{đ} án phí dân sự sơ thẩm. Ghi nhận việc chị Phạm Thị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí vụ án ly hôn với tổng số tiền là 150.000^{đ} (một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^{đ} mà chị H đã nộp theo biên lai số 06226 ngày 20/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Chị H được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000^{đ} (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh + BBGN 1;
- VKSND huyện Chợ Đồn 1;
- THADS H. Chợ Đồn 1;
- UBND xã T
(Nơi đăng ký kết hôn) 1 ;
- Các đương sự 2;
- Lưu HS, VT 2.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Triệu Văn Mẫn